TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 70/2023/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 319/2023/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 08 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Bùi Ngọc Hoài T, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

2. Anh Trương Văn R, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh R tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20-10-2015. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng khoảng từ tháng 05/2022 anh, chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sống với nhau không có hạnh phúc và anh, chị không còn sống chung với nhau, chị T về quê chị sống và để con cho anh R nuôi, hai bên xác định không còn tình cảm vợ chồng. Nay anh, chị thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh R và chị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh R và chị T.

[2] Về con chung: Chị T và anh R xác định 01 con chung là Trương Văn K, sinh ngày 13-8-2018. Khi ly hôn, chị T, anh R thỏa thuận thống nhất giao con chung Trương Văn K cho anh R trực tiếp nuôi, anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Ngọc Hoài T và anh Trương Văn R đều xác định không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị T và anh R mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc Hoài T và anh Trương Văn R thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Bùi Ngọc Hoài T và anh Trương Văn R xác định 01 con chung là Trương Văn K, sinh ngày 13-8-2018. Chị T, anh R thỏa thuận giao con chung Trương Văn K cho anh R nuôi, anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Ngọc Hoài T và anh Trương Văn R đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị T và anh R mỗi người tự nguyện chịu ½ và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0006715 ngày 01-8-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Xuân Thới Thượng, h. Hóc Môn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh